

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HỘI AN  
HỘI ĐỒNG CHẤM THI OLYMPIC KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI

**BẢNG ĐIỂM TẠM THỜI**  
**KỶ THI OLYMPIC KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI NĂM HỌC 2025-2026**  
**Môn thi : NGŨ VĂN 6**

| STT | SBD  | HỌ                | TÊN    | LỚP | TRƯỜNG            | ĐIỂM  | Vị thứ | Giải | Điểm thưởng |
|-----|------|-------------------|--------|-----|-------------------|-------|--------|------|-------------|
| 1   | 0048 | Lê Hoài           | An     | 6/2 | Trần Quốc Toán    | 6,75  |        |      | 0,00        |
| 2   | 0049 | Nguyễn Kim Hồng   | Ấn     | 6/1 | Nguyễn Du         | 10    |        |      | 0,00        |
| 3   | 0050 | Phạm Trần Bảo     | Châu   | 6/2 | Kim Đông          | 10,5  |        |      | 0,00        |
| 4   | 0051 | Nguyễn Thị Trân   | Châu   | 6/4 | Chu Văn An        | 8     |        |      | 0,00        |
| 5   | 0052 | Nguyễn Lê Thùy    | Dương  | 6/2 | Nguyễn Bình Khiêm | 10,5  |        |      | 0,00        |
| 6   | 0053 | Huỳnh Ngọc Kiều   | Duyên  | 6/1 | Phan Bội Châu     | 11    |        |      | 0,00        |
| 7   | 0054 | Đặng Thanh        | Hà     | 6/1 | Phan Bội Châu     | 9,25  |        |      | 0,00        |
| 8   | 0055 | Võ Thị Minh       | Hiếu   | 6/2 | Nguyễn Bình Khiêm | 13    |        |      | 0,00        |
| 9   | 0056 | Nguyễn Gia        | Hung   | 6/2 | Phan Bội Châu     | 9,25  |        |      | 0,00        |
| 10  | 0057 | Nguyễn Phạm Quỳnh | Hương  | 6/2 | Nguyễn Bình Khiêm | 11    |        |      | 0,00        |
| 11  | 0058 | Nguyễn Phạm Bảo   | Khang  | 6/3 | Nguyễn Du         | 7,75  |        |      | 0,00        |
| 12  | 0059 | Đinh Mai          | Khôi   | 6/1 | Chu Văn An        | 10,5  |        |      | 0,00        |
| 13  | 0060 | Trần Lê Ngân      | Khuê   | 6/2 | Kim Đông          | 11,75 |        |      | 0,00        |
| 14  | 0061 | Đinh Diệp Minh    | Khuê   | 6/1 | Nguyễn Du         | 5,75  |        |      | 0,00        |
| 15  | 0062 | Ngô Ngọc          | Linh   | 6/2 | Kim Đông          | 8     |        |      | 0,00        |
| 16  | 0063 | Huỳnh Phương      | Linh   | 6/2 | Kim Đông          | 10,5  |        |      | 0,00        |
| 17  | 0064 | Nguyễn Ngọc Khánh | Linh   | 6/1 | Chu Văn An        | 10,25 |        |      | 0,00        |
| 18  | 0065 | Trần Quang Bảo    | Linh   | 6/1 | Phan Bội Châu     | 9,25  |        |      | 0,00        |
| 19  | 0066 | Phan Huỳnh Nhật   | Linh   | 6.2 | Huỳnh Thị Lựu     | 10,25 |        |      | 0,00        |
| 20  | 0067 | Nguyễn Đình Thảo  | My     | 6/3 | Trần Quốc Toán    | 8,5   |        |      | 0,00        |
| 21  | 0068 | Nguyễn Thị Trà    | My     | 6/1 | Chu Văn An        | 7,75  |        |      | 0,00        |
| 22  | 0069 | Nguyễn Tinh       | Ngân   | 6/2 | Nguyễn Du         | 10,5  |        |      | 0,00        |
| 23  | 0070 | Võ Lê Khả         | Ngân   | 6.2 | Huỳnh Thị Lựu     | 8     |        |      | 0,00        |
| 24  | 0071 | Lý Bảo            | Nghi   | 6/2 | Kim Đông          | 10    |        |      | 0,00        |
| 25  | 0072 | Đỗ Khánh          | Ngọc   | 6/2 | Kim Đông          | 7,75  |        |      | 0,00        |
| 26  | 0073 | Trương Minh       | Ngọc   | 6/2 | Kim Đông          | 7,75  |        |      | 0,00        |
| 27  | 0074 | Trương Bảo        | Ngọc   | 6/4 | Nguyễn Duy Hiệu   | 9,25  |        |      | 0,00        |
| 28  | 0075 | Tạ Trương Bảo     | Ngọc   | 6/2 | Nguyễn Bình Khiêm | 11,25 |        |      | 0,00        |
| 29  | 0076 | Mai Võ Đông       | Nguyên | 6   | Quang Trung       | 8,25  |        |      | 0,00        |
| 30  | 0077 | Thân Nữ Phương    | Nhật   | 6/4 | Nguyễn Duy Hiệu   | 8,75  |        |      | 0,00        |
| 31  | 0078 | Phan Hoàng        | Nhi    | 6/4 | Nguyễn Duy Hiệu   | 14    |        |      | 0,00        |
| 32  | 0079 | Võ Ngọc Uyên      | Nhi    | 6.1 | Lý thường Kiệt    | 8     |        |      | 0,00        |
| 33  | 0080 | Võ Trần An        | Nhiên  | 6.1 | Huỳnh Thị Lựu     | 6,5   |        |      | 0,00        |
| 34  | 0081 | Phạm Phú Hà       | Như    | 6/2 | Kim Đông          | 12,5  |        |      | 0,00        |
| 35  | 0082 | Đặng Dương        | Phong  | 6/2 | Nguyễn Bình Khiêm | 10,75 |        |      | 0,00        |
| 36  | 0083 | Lê Phương         | Thảo   | 6.2 | Huỳnh Thị Lựu     | 9     |        |      | 0,00        |
| 37  | 0084 | Lê Hữu Nhã        | Thuyền | 6/1 | Chu Văn An        | 9,5   |        |      | 0,00        |
| 38  | 0085 | Nguyễn Ngọc Bảo   | Trâm   | 6/1 | Phan Bội Châu     | 9,5   |        |      | 0,00        |
| 39  | 0086 | Đoàn Nguyễn Bảo   | Trân   | 6/4 | Nguyễn Duy Hiệu   | 13,75 |        |      | 0,00        |
| 40  | 0087 | Lê Song Bảo       | Trân   | 6.2 | Huỳnh Thị Lựu     | 6,75  |        |      | 0,00        |
| 41  | 0088 | Trần Yên          | Trang  | 6/4 | Nguyễn Duy Hiệu   | 10,5  |        |      | 0,00        |
| 42  | 0089 | Lê Nguyễn Kiều    | Trinh  | 6.1 | Lý thường Kiệt    | 13,75 |        |      | 0,00        |
| 43  | 0090 | Dương Lê Khánh    | Trúc   | 6/3 | Trần Quốc Toán    | 9,25  |        |      | 0,00        |
| 44  | 0091 | Ngô Nhã           | Uyên   | 6/2 | Kim Đông          | 10,5  |        |      | 0,00        |
| 45  | 0092 | Dương Nhã         | Uyên   | 6/2 | Nguyễn Bình Khiêm | 10,5  |        |      | 0,00        |
| 46  | 0093 | Nguyễn Ngọc Thảo  | Vy     | 6/2 | Nguyễn Bình Khiêm | 9,5   |        |      | 0,00        |
| 47  | 0094 | Lê Hải            | Yên    | 6/2 | Nguyễn Bình Khiêm | 9     |        |      | 0,00        |

THƯ KÝ

TM. HỘI ĐỒNG CHẤM THI  
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Việt Tinh

Lê Hùng Sĩ  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG VHXH